

Bản án số: 86/2018/DS-PT

Ngày: 17 – 7 – 2018

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Khánh Hùng.

Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sạch – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLPT - DS ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST, ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2018/QĐ - PT ngày 25/5/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (*Có mặt*).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn D, sinh năm 1951; cư trú tại: Ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Khánh T, sinh năm 1976; cư trú tại: Đường P, khóm T, phường U, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (*Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14/6/2018*). Ông T có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị I, sinh năm 1956; cư trú tại: Ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị I: Ông Nguyễn Khánh T, sinh năm 1976; cư trú tại: Đường P, khóm T, phường U, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (*Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14/6/2018*). Ông T có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Kim Thị X, sinh năm 1940; cư trú tại: Ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp T, xã V, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

4. Bà Nguyễn Thị Y, sinh 1968; cư trú tại: Ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kim Thị X, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Y: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Được ủy quyền theo các văn bản ủy quyền cùng ngày 17/8/2017). Bà K có mặt tại phiên tòa.

5. Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (*Có mặt*).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị I.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:*

Gia đình ông có hai thửa đất số 79, 80 tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nguồn gốc đất là của ông bà ngoại của ông cho cha mẹ ông và đến ngày 16/5/1995 UBND huyện Mỹ Xuyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cha ông là ông Nguyễn Văn N; đến năm 1999 cha của ông chết thì mẹ ông là người canh tác, sử dụng liên tục đến khi tuổi già không canh tác được thì giao lại cho ông. Khi xã xuống đo đạc thì ông D chỉ ranh lấn qua phần đất của ông và cho người cắm cọc. Ông không đồng ý nên đã nhờ tổ hòa giải ở xã hòa giải nhưng không thành.

Diện tích ông D lấn chiếm của ông tại thửa số 79 và 80 có chiều ngang là 2,7m chạy dài 45m. Tổng diện tích là 121,5m². Sau khi đo đạc thực tế ông thông nhất với biên bản thẩm định định giá mà Tòa án đã công bố có số đo thực tế của phần đất tranh chấp có diện tích 198,8m². Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông D trả lại cho ông phần diện tích ông D đã lấn chiếm theo số đo thực tế là 198,8m² thuộc thửa 79, 80 tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại Ấp B, xã C, huyện M do ông Nguyễn Văn N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Lê Văn D trình bày:*

Nguồn gốc đất của ông trước đây là do anh của ông là ông Lê Văn S khai phá, sau này ông về ở thì có đào ao nuôi cá. Đến năm 1989 thì cha của ông P là ông Nguyễn Văn N có mượn phần đất ao của ông để nuôi cá. Việc cho mượn ao nuôi cá những người dân sống xung quanh nhà đều biết. Đến năm 1994 thì nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Sau đó phát hiện giấy chứng nhận bị trùng lặp đất của 2 bên. Nên hai bên thống nhất chia mỗi người một

nửa phần đất ao bị trùng lặp trên giấy chứng nhận. Đến năm 2008 thì ở xã xuống cắm cọc ranh cho đến nay. Phần đất này hiện nay không ai còn canh tác nữa. Sau khi đo đạc thực tế ông thống nhất với biên bản thẩm định định giá do Tòa án công bố có số đo thực tế của tài sản tranh chấp có diện tích 198,8m². Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P, vì ông không có lần chiếm đất ông P. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông bao nhiêu thì ông sử dụng bấy nhiêu.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị I trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Lê Văn D.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn O trình bày: Ông là con ruột của ông Nguyễn Văn N và là anh ruột của ông Nguyễn Văn P; phần đất đang tranh chấp là do ông ngoại ông đào và gia đình ông sử dụng liên tục cho đến nay. Phần đất đang tranh chấp này gia đình ông đã giao cho ông P sử dụng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị K là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Kim Thị X, bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Văn H trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Văn P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST, ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã quyết định như sau:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39; Điều 157; Điều 158; Điều 147; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 48 Nghị quyết 326 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P.

2. Buộc ông Lê Văn D và bà Võ Thị I trả lại cho ông Nguyễn Văn P phần đất đang tranh chấp có diện tích là 198,8m² thuộc thửa số 79, 80 tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có số đo, tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp lộ nhựa có số đo 2,9m (Cách lề lộ 3,5m).

Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn P có số đo 5,9m.

Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn P có số đo 45m.

Hướng Bắc giáp đất ông Lê Văn D có số đo 46,6m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 23/4/2018 bị đơn ông Lê Văn D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị I có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-

ST, ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P vì cho rằng phần đất tranh chấp là ao mương do anh trai của ông D tên Lê Văn S đào vào năm 1971 trên phần đất của ông bà để sử dụng, khi đó cha của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N chưa về phần đất cấp bên nhà ông bà ở, sau này ông N mới về ở thì đến năm 1989 có hỏi ông bà mượn phần ao mương sử dụng nuôi cá, phần ao mương này không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N mà nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ của ông D, ông D có trồng 03 cây dừa trên 40 năm tuổi và năm 2008 Ủy ban nhân dân xã có xuống cắm trụ đá giữa mương làm ranh. Ông Nguyễn Văn P không phải là người sử dụng đất hợp pháp nên ông P không có quyền khởi kiện, vì hộ ông Nguyễn Văn N đứng tên QSDĐ và ông N còn người con tên Nguyễn Thị G đang sống ở Campuchia nhưng Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng là không đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần nội dung đơn khởi kiện là chỉ yêu cầu phía ông D và bà I trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc, thẩm định thực tế ngày 10/7/2018 có diện tích 131,7m²; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà I vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông P có thay đổi một phần đơn khởi kiện là ông chỉ yêu cầu ông D và bà I trả lại cho ông phần đất có diện tích 131,7m², nên đề nghị chấp nhận yêu cầu này của ông P và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Bị đơn ông Lê Văn D và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị I, Kim Thị X, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Y đều vắng mặt, nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa, nên HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị I là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét đơn kháng cáo của ông Lê Văn D và bà Võ Thị I về việc ông, bà cho rằng phần đất tranh chấp là ao mương do anh trai của ông D tên Lê Văn S đào vào năm 1971 trên phần đất của ông bà để sử dụng, khi đó cha của nguyên đơn là ông

Nguyễn Văn N chưa về phần đất cấp bên nhà ông bà ở, sau này ông N mới về ở thì đến năm 1989 có hỏi ông bà mượn phần ao mương sử dụng nuôi cá, phần ao mương này không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N, mà nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ của ông D, ông D có trồng 03 cây dừa trên 40 năm tuổi và năm 2008 UBND xã có xuống cắm trụ đá giữa mương làm ranh. Thấy rằng, theo lời khai của người làm chứng tên Lê Văn S cho rằng phần đất ao mương đang tranh chấp là do ông đào, còn ông Lê Văn L thì cho rằng con mương là do cha của ông tên Lê Văn U đào, lời khai hoàn toàn mâu thuẫn với nhau, hơn nữa ông S là anh ruột của ông D, ông L là cháu ruột của ông D; còn ông Võ Thành Q thì xác định sau khi xã hòa giải thì hai bên thống nhất phân chia nửa địa và cắm trụ đá ở giữa, nhưng ông Q cũng là em ruột của vợ ông D, nên lời khai của ông ông S, ông L, ông Q là không khách quan, không có tính thuyết phục. Ngoài ra, theo lời khai của ông Ngô Hoàng Ô là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Gia Hòa 2 lúc bấy giờ xác định việc tranh chấp giữa ông P với ông D được Ủy ban nhân xã hòa giải thành và ông giao cho cán bộ địa chính xã xuống tại phần đất tranh chấp cắm ranh là trụ đá giữa mương hiện nay, tuy nhiên theo ông Lê Văn A cán bộ địa chính xã thì xác định không có việc hòa giải thành và cũng không có xuống phần đất tranh chấp cắm ranh như lời ông Hôn trình bày, trụ đá cắm ranh là do ông D tự cắm. Hơn nữa, không có biên bản hòa giải thành, nên không đủ cơ sở để chứng minh có việc hòa giải thành và cắm ranh như phía ông D trình bày, tuy ông P xác định cán bộ xã có xuống cắm trụ đá nhưng ông không đồng ý, nên không được xem là ý chí tự nguyện của ông P. Mặt dù diện tích đất thực tế tại thửa 77, 78 của ông D đang sử dụng là thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, nhưng phần đất tại thửa 79, 80 phía ông P đang sử dụng thì thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông N; việc thừa hay thiếu diện tích như vừa nêu không phải là cơ sở duy nhất làm căn cứ giải quyết vụ án mà phải dựa vào những chứng cứ khác như: Theo lời khai của những người làm chứng gồm ông Bùi Văn C, ông Lê Văn F, ông Nguyễn Văn V, ông Lục Minh Z là những người lớn tuổi sống tại địa phương đều xác định ao mương nuôi cá đang tranh chấp là của ông Ê là ông ngoại của ông P đào và sử dụng, sau này giao lại cho ông N là cha của ông P sử dụng, ao mương này là của gia đình ông P; còn theo cán bộ địa chính xã Gia Hòa 2 và lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên thì phần đất ao mương mà ông P và ông D tranh chấp là của gia đình ông P đào và sử dụng từ trước đến nay. Lời khai của những người làm chứng vừa nêu là phù hợp với sơ đồ vị trí các thửa đất số 79, 80 của ông N (*Do ông P đang sử dụng*). Mặt khác, ông D không có chứng cứ nào chứng minh là có cho ông N mượn ao mương tranh chấp để nuôi cá. Trong khi đó, ao mương tranh chấp nằm hoàn toàn bên phần đất thửa 79, 80 phía ông P đang sử dụng và phía gia đình ông P sử dụng liên tục từ xưa tới nay. Còn đối với 03 cây dừa do phía ông D, bà I trồng không nằm trong phần đất tranh chấp. Vì vậy, kháng cáo của ông D và bà I là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Theo kết quả đo đạc, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng ngày 10/7/2018 thì ông P có xác định lại phần đất tranh chấp và tại phiên tòa ông P chỉ yêu cầu phần diện tích là 131,7m², ít hơn phần diện tích cấp sơ thẩm đã tuyên; việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên HĐXX ghi nhận yêu cầu

này của ông P và sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông D, bà I trả phần đất tranh chấp thực tế còn lại như vừa nêu.

[5] Qua đo đạc, thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2018 thì trên phần đất tranh chấp có 02 cây chuối loại A, 01 cây tra bồ đề loại A là do ông D trồng và máy che bằng tol thiết do ông D che lán qua phần đất buộc giao trả cho hộ ông N (*Ông P quản lý, sử dụng*) có chiều ngang 0,15m, chiều dài 8,8m; cấp sơ thẩm thẩm định chưa đầy đủ, nên cấp phúc thẩm thấy rằng cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông D, bà I tự đốn cây trồng và tháo dỡ máy che để đảm bảo quá trình thi hành án. Còn các cây bình bát tự mọc dưới mé mương, không có tranh chấp và không có ai yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Xét kháng cáo của ông Lê Văn D và bà Võ Thị I về việc ông P không có quyền khởi kiện, vì hộ ông Nguyễn Văn N đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ. Thấy rằng, tuy ông N là người đứng tên hộ sử dụng đất, nhưng ông N đã chết, hiện nay ông P là người đang quản lý, sử dụng đất, những người trong hàng thừa kế của ông N đều thừa nhận phần đất trên đã cho ông P quản lý, sử dụng, nên ông P có quyền khởi kiện, nhưng khi tuyên án cần tuyên trả cho hộ ông N và tạm giao cho ông P quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp thì mới phù hợp.

[7] Xét kháng cáo của ông Lê Văn D và bà Võ Thị I về việc ông Nguyễn Văn N có con tên Nguyễn Thị G đang ở Campuchia, cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng là không đúng quy định của pháp luật. Thấy rằng, bà Hương là con riêng của bà X, không phải là con ruột của ông N, giữa bà G và ông N không có mối quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con được quy định tại Điều 654 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Tòa án không đưa bà G vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm: Tổng chi phí số tiền 6.290.000 đồng. Do kháng cáo của ông D và bà I không được chấp nhận nên ông D và bà I phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông D và bà I đã nộp xong.

[9] Do kháng cáo của ông D và bà I không được chấp nhận và việc sửa án sơ thẩm không liên quan đến phần có kháng cáo, nên ông D và bà I phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông D và bà I, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313 và khoản khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lê Văn D và bà Võ Thị I.
2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2018/DS-ST, ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P.

Buộc ông Lê Văn D và bà Võ Thị I trả lại cho hộ ông Nguyễn Văn N phần đất tranh chấp có diện tích là 131,7m² thuộc thửa số 79, 80 tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Tạm giao phần đất này cho ông Nguyễn Văn P quản lý, sử dụng). Phần đất có số đo từ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp lộ nhựa có số đo 2,66m (Từ lề lộ trở vào 3,5m là tới trụ đá, tính từ trụ đá qua phía ông D).

Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn P có số đo 2,64m (Tính từ trụ xi măng qua phía ông D).

Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn P có số đo 48,20m.

Hướng Bắc giáp đất ông Lê Văn D có số đo 28,77m + 06m + 4,25m + 9,97m = 48,99m (Theo mé mương, giáp vị trí các góc dĩa của ông D, bà I).

(Đính kèm sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 10/7/2018).

Buộc ông Lê Văn D và bà Võ Thị I tự tháo dỡ, di dời máy che bằng tol thiết có chiều ngang 0,15m, chiều dài 8,8m và tự đốn, di dời 02 cây chuối loại A, 01 cây tra bờ đề loại A để trả lại đất cho hộ ông N (Do ông P quản lý, sử dụng).

3. Chi phí định thẩm định giá tài sản tại giai đoạn phúc thẩm: Tổng chi phí số tiền 6.290.000 đồng ông Lê Văn D và bà Võ Thị I phải chịu và đã nộp xong.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn D và bà Võ Thị I mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông D và bà I mỗi người đã nộp 300.000 đồng, theo các biên lai thu số 0002452 và 0002451 cùng ngày ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông D, bà I đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn